

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 11/2020/DS-ST

Ngày: 22 – 7 – 2020

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tín.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Mung Niê;

2. Ông Trương Quang Chính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa: Ông Y Đum Kpă – Kiểm sát viên.

Ngày 22/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2020/TLST-DS ngày 03/3/2020 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-DS ngày 15/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2020/QĐST-DS ngày 02/7/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C.

Địa chỉ: Số 169 phố L, phường H, quận H, Tp. Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th; Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Duy H, Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện K; Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T; Địa chỉ: Thôn 2, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 24/12/2014, bà Nguyễn Thị T

vay vốn của Ngân hàng C, chi nhánh Đ, PGD huyện K theo chương trình cho vay hộ nghèo, với số tiền vay là 18.000.000 đồng tiền gốc, lãi suất trong hạn 0.6%/tháng, lãi suất quá hạn 0.78%/tháng, theo Số vay vốn số 7055757770. Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho bà T số tiền 18.000.000 đồng; Khoản vay của bà T đã đến hạn vào năm 2018 nhưng bà T không trả được nợ. Ngân hàng đã tạo điều kiện cho bà T gia hạn thời gian trả nợ nhưng đến nay bà T vẫn không có thiện chí trả nợ cho ngân hàng.

Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và hoạt động bình thường của Ngân hàng, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng C tổng số tiền 19.299.552 đồng; trong đó: Nợ gốc: 18.000.000 đồng, nợ lãi là 1.299.552 đồng (lãi tính đến hết ngày 22/7/2020) và tiếp tục tính lãi kể cho đến khi thanh toán xong hết nợ theo mức lãi suất được quy định trong hồ sơ vay vốn.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã bỏ đi khỏi địa phương, không rõ địa chỉ hiện đang sinh sống ở đâu; Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đến Tòa án giải quyết vụ án; đồng thời nhắn tin tìm kiếm trên ba số Báo Công lý liên tiếp số 34, 35, 36, 37 ra các ngày 24, 19/4/2020 và ngày 06/5/2020 nhưng bà T vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C, buộc bị đơn bà T phải trả cho Ngân hàng C tổng số tiền 19.299.552 đồng; trong đó: Nợ gốc: 18.000.000 đồng, nợ lãi là 1.299.552 đồng (lãi tính đến hết ngày 22/7/2020) và tiếp tục tính lãi cho đến khi thanh toán xong hết nợ theo mức lãi suất được quy định trong Số vay vốn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và tranh chấp này

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đến tham gia phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải trả tổng số tiền 19.299.552 đồng; trong đó: Nợ gốc: 18.000.000 đồng, nợ lãi là 1.299.552 đồng (lãi tính đến hết ngày 22/7/2020) và tiếp tục tính lãi cho đến khi thanh toán xong hết nợ theo mức lãi suất được quy định trong hồ sơ vay vốn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Ngày 24/12/2014, bà Nguyễn Thị T có vay của Ngân hàng C, Chi nhánh Đ, Phòng giao dịch huyện K số tiền 18.000.000 đồng là có thật; được thể hiện tại Sổ vay vốn số 7055757770, Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ, Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay giữa Ngân hàng C, Chi nhánh Đ, Phòng giao dịch huyện K và bà Nguyễn Thị T. Khoản vay của bà T đến hạn vào ngày 09/11/2018, Ngân hàng đã tạo điều kiện gia hạn khoản vay cho bà T nhưng bà T không thực hiện việc trả nợ.

Sau khi vay tiền của Ngân hàng C, bà T bỏ đi khỏi địa phương, không có tin tức gì; khi đi bà T không báo với chính quyền địa phương cũng như báo cho Ngân hàng biết về nơi sinh sống mới của mình là che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Chính sách xã hội, buộc bà T phải trả cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc 18.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015.

[3.2] Về yêu cầu tính lãi, Ngân hàng C yêu cầu bà T phải trả tiền lãi tính từ ngày vay ngày 24/12/2014 đến ngày xét xử ngày 22/7/2020, tiếp tục tính lãi cho đến khi thanh toán xong hết nợ theo mức lãi suất quy định tại hồ sơ vay vốn, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Sổ vay vốn, sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ giữa Ngân hàng C, Chi nhánh Đ, Phòng giao dịch huyện K và bà T thể hiện mức lãi suất trong hạn 0.6%/tháng, lãi suất quá hạn 0.78%/tháng, hạn trả cuối cùng là ngày 09/11/2018. Vì vậy, yêu cầu tính lãi của Ngân hàng C là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên cần chấp nhận.

Tính từ ngày vay, ngày 24/12/2014 đến ngày xét xử ngày 22/7/2020, số tiền lãi là 1.299.552 đồng.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi, bà T phải trả cho Ngân hàng C tính đến ngày xét xử là: 18.000.000 đồng + 1.299.552 đồng = 19.299.552 đồng.

[4] Về chi phí nhắn tin tìm kiếm bà Nguyễn Thị T trên Báo Công lý là 1.522.000 đồng, nguyên đơn Ngân hàng C phải chịu chi phí này, phù hợp với khoản 2 Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự (đã chi phí xong).

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà T phải chịu số tiền (19.299.552 đồng x 5%) 964.977 đồng án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng C số tiền 469.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là phù hợp với quy định tại Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 357, Điều 463, khoản 1, khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

- Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 180, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị T phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng C tổng số tiền 19.299.552 đồng; trong đó: Nợ gốc: 18.000.000 đồng, nợ lãi là 1.299.552 đồng (lãi tính từ ngày 24/12/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 22/7/2020) và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 23/7/2020 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất quy định trong hồ sơ vay vốn.

2. Về chi phí nhắn tin tìm kiếm bà Nguyễn Thị T trên Báo Công lý là 1.522.000 đồng, nguyên đơn Ngân hàng C phải chịu chi phí này (đã chi phí xong).

3. Về án phí:

Bị đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu số tiền 964.977 đồng án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng C số tiền 469.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2019/0006448 ngày 27/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện Krông Búk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Văn Tín